TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09-01-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

2. Ông Lương Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H , sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ 2B, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

b/ Bị đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn H, xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Phạm Anh T kết hôn vào ngày 15/11/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc nên bà H thuê trọ ở Đà Nẵng để tiện công tác. Còn ông T công việc không ổn định, làm nhiều nơi và nhiều việc khác nhau ở quê nên ở trong quê tại Điện Trung chứ không chung sống với bà H. Thời gian đầu sau khi bà H sinh con, ông T cũng có ra thăm nom con nhưng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tính không hợp, ông T không quan tâm chăm sóc con cái và không chu cấp tiền bạc để nuôi con. Lâu dần, bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, thực tế vợ chồng đã sống ly thân vài năm nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Anh T1, sinh ngày: 27/5/2011. Hiện con chung đang sống cùng bà H. Nay ly hôn, bà H có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn, ông Phạm Anh T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, ông T thống nhất như lời khai của bà H. Về mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân chính là do sau khi sinh con khoảng 5 tháng, bà H bồng con ra Đà Nẵng làm việc, sinh sống, còn ông T thì muốn bà H ở quê làm ăn với ông dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong thời gian bà H sống ở Đà Nẵng, tỉnh thoảng ông T có ra thăm con nhưng không thường xuyên vì còn bận công việc ở quê. Nay bà H làm đơn xin ly hôn, ông T thấy rằng bản thân ông còn tình cảm với vợ con. Tuy nhiên, ông không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, ông không thể ra Đà Nẵng sinh sống vì không có công việc phù hợp còn vợ ông không chịu về quê sống. Ông không muốn con ông phải khổ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung như lời trình bày của bà H. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng. Ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng, các bên đương sự đã tự sống ly thân nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cháu Phạm Anh T1– Sinh ngày 27/5/2011 cho bà Phạm Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Buộc ông Phạm Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Anh T có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, tính chất công việc nên vợ chồng không sống chung với nhau, khi gặp nhau thường hay cãi vã nhau. Ông T thừa nhận có mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và vẫn còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ với bà H để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông T không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì công việc của ông không thể ra Đà Nẵng sống được, còn bà H không chịu về quê sinh sống.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng bà H và ông T về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông T. Hơn nữa, ông T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân vài năm nay cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Anh T là phù hợp.

[2] Về nuôi con chung**:** Bà H và ông T có 01 con chung tên là Phạm Anh T1, sinh ngày 27/5/2011, hiện cháu Thư đang sống chung với bà H.

Khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi cháu T1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng)

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, hiện tại cháu Phạm Anh T1 đang sống cùng bà H. Ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Thư, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật HN&GĐ thống nhất giao cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 27/5/2011 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, HĐXX buộc ông Phạm Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 27/5/2011 với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GĐ; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Anh T.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Phạm Anh T1, sinh ngày 27/5/2011 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Ông Phạm Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Phạm Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 27/5/2011 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi Phạm Anh Thư đủ 18 tuổi.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0008714 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Phạm Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND xã Điện T;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân